TIMKEN

Where You Turn

AP-2™ AP™

1. ”H ω Ê ł ų ω Ł
⁴ fl Ą Ł ⁴ fl Ð ẽ ŧ ϑ
ẽ ȷ ˆ ẽ ω Ł˘ ę ẽ
Ê ˆ ŧ ȷ u ϱ Ă Ո
ă ˝ ẽ ȝ ⁴ fl

5. u Ž ǫ ▫ ł ẵ ẽ Ḋ Ê

in	ton	in	* N M
B Â 4 1/4 x 8 â	30 - 40	3/4" - 10	156
C Â 5 x 9 â	30 - 40	7/8" - 9	197
D Â 5 1/2 x 10 â	45 - 55	7/8" - 9	217
E Â 6 x 11 â	45 - 55	1" - 8	394
F Â 6 1/2 x 12 â	45 - 55	1 1/8" - 7	570
G Â 7 x 12 â	60 - 70	1 1/4" - 7	660
**GG Â 6 1/2 x 12 â	60 - 70	7/8"-9 ‟ Ή	427
**GG Â 6 1/2 x 12 â	60 - 70	7/8"-9 ‟ Ή	427
L Â 6 x 8 â	45 - 55	1" - 8	394
K Â 6 1/2 x 9 â	45 - 55	1 1/8" - 7	570
M Â 7 x 9 â	60 - 70	1 1/8" - 7	570

6. Ʊ õ Ê ‴ ˗ ǫ
└ › ∏ ă ẽ ‴ Ł ú ŭ ť Ś˘ ę †
Ê Ą ẇ Ą ă ‴ Ê †
Ή E u Ά

7. Ą ẽ Ά Ê ₾ Ą
ẽ ɾ Ê Ą Ά